

# Xây dựng môi trường chính sách cho hệ sinh thái giáo dục mở ở Việt Nam\*

**Phạm Đỗ Nhật Tiến**

Học viện Quản lý Giáo dục  
31 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam  
Email: phamndtien26@gmail.com

**TÓM TẮT:** Hệ sinh thái giáo dục mở bao gồm các nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu, cộng đồng và cá nhân (nhà giáo, người học, nhà quản lý, nhà nghiên cứu, nhà cung ứng) sống trong sinh cảnh là không gian mạng với các nền tảng, các tài nguyên giáo dục mở (OER), các khóa học trực tuyến mở đại chúng (MOOC) cùng các ứng dụng phần mềm để xuất bản, sử dụng, khai thác các tài nguyên đó, khóa học đó. Để phát triển hệ sinh thái này cần một môi trường chính sách phù hợp và thuận lợi. Căn cứ vào một số kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất mô hình chính sách cùng các lĩnh vực chính sách cần tập trung xây dựng và triển khai thực hiện để hệ sinh thái giáo dục mở ở Việt Nam phát triển bền vững.

**TỪ KHÓA:** Hệ sinh thái; giáo dục mở; tài nguyên giáo dục mở; khóa học trực tuyến mở đại chúng.

→ Nhận bài 13/6/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/6/2019 → Duyệt đăng 25/6/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Có nhiều cách hiểu về giáo dục (GD) mở. Trong bài viết này, GD mở được hiểu theo các định nghĩa sau đây:

“GD mở được hiểu là một cách thức tiến hành GD, thường sử dụng công nghệ số. Mục đích của nó là mở rộng sự tiếp cận và tham dự cho mọi người bằng cách dỡ bỏ các rào cản, làm cho việc học nằm trong tầm tay, phong phú và tùy chỉnh theo nhu cầu cá nhân. Nó cung cấp nhiều cách thức dạy và học, tạo dựng và chia sẻ tri thức. Nó cũng đem lại nhiều con đường đến với GD chính quy, không chính quy và kết nối cả hai” [1].

“Mục đích của GD mở là tăng cường sự tiếp cận và tham dự thành công trong GD bằng cách dỡ bỏ các rào cản và cung cấp nhiều con đường đến với học tập và chia sẻ tri thức” [2]. Như vậy, có thể hiểu GD mở là GD với các đặc trưng sau: Mục đích là mở rộng sự tiếp cận và tham dự thành công của mọi người trong GD; Giải pháp là dỡ bỏ các rào cản; Phương tiện chủ yếu hiện nay là công nghệ số. Đó là bước phát triển mới của hệ thống GD trong giai đoạn hiện nay, gắn liền với một bên là các yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của xã hội đối với GD và một bên là tiến bộ của khoa học công nghệ nhằm đáp ứng các yêu cầu đó. Có thể nhìn về GD mở một cách ẩn dụ như một hệ sinh thái, hiểu theo nghĩa là hệ thống các quần thể sống chung và phát triển trong một môi trường nhất định, quan hệ tương tác với nhau và với môi trường đó. Bài viết này muốn nhận dạng cấu trúc

và các thành phần của hệ sinh thái GD mở (HSTGDM), trên cơ sở đó tập trung làm rõ môi trường chính sách cần thiết để hệ sinh thái này phát triển bền vững.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Hệ sinh thái giáo dục mở

HSTGDM được hình thành đến nay chủ yếu thông qua một quá trình tự phát. Có thể coi nó được gieo mầm vào năm 1969 với sáng kiến thành lập Đại học Mở ở Anh nhằm dỡ bỏ các rào cản liên quan đến chính sách và chỉ tiêu tuyển sinh. Sáng kiến này được nhanh chóng hưởng ứng và HSTGDM đầu tiên được hình thành với một loạt các đại học mở ở nhiều nơi trên thế giới.

Đến năm 2002, HSTGDM có bước tiến hóa với sáng kiến công bố các học liệu mở trên mạng (OpenCourseWare, OCW) bởi Học viện công nghệ Massachusetts (MIT). Sáng kiến này cũng nhanh chóng lan tỏa và HSTGDM có thêm một hệ con là hệ sinh thái OER. Trong hệ sinh thái OER, dân cư là các nhà sản xuất OER, những người học, các bậc phụ huynh, các nhà QL ...; còn sinh cảnh là các kho OER cùng các công cụ phần mềm để sản xuất, sử dụng, khai thác các OER.

Bước tiến hóa đáng kể nhất cho đến lúc này của HSTGDM là sự ra đời Khóa học trực tuyến mở đại chúng MOOC ở Đại học Stanford vào năm 2011. Đến nay, số cơ sở cung cấp MOOC, số khóa học MOOC, số người theo học MOOC đều tăng lên nhanh chóng và đang làm thay đổi mạnh mẽ các thành phần tạo nên HSTGDM. Các quần thể của hệ sinh thái này giờ đây bao gồm các cá nhân có liên quan (người dạy, người học, tác giả, nhà QL ...), các tổ chức có liên quan (nhà trường, cơ quan QL, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu ...), các cộng đồng (nhóm biên tập, nhóm học tập, nhóm kết nối ...). Còn sinh cảnh là không gian mạng với các OER, MOOC cùng các nền tảng và ứng dụng phần

\* Bài viết được chỉnh sửa từ tham luận tại Hội thảo Khoa học quốc gia: “Tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam cho các thập niên đầu thế kỉ XXI” do Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam phối hợp với Bộ GD&ĐT, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh Thiếu niên Nhi đồng của Quốc hội, Hội Khuyến học Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hiệp hội vì giáo dục cho mọi người Việt Nam tổ chức tại Hà Nội ngày 12 tháng 6 năm 2019.

mềm để sản xuất, khai thác, sử dụng các tài nguyên đó, khóa học đó.

Các bước tiến trên tạo nên phong trào GD mở với Tuyên bố đầu tiên ở Cape Town vào năm 2007 về vai trò và tầm quan trọng của GD mở. Đáng quan tâm là Hội nghị OER thế giới, tổ chức tại UNESCO, Paris, năm 2012 đã ra Tuyên bố khuyến nghị các nhà nước đẩy mạnh nhận thức về OER, tạo môi trường thuận lợi cho việc sử dụng ICT, phát triển các chiến lược và chính sách về OER, cùng một số khuyến nghị khác có liên quan đến việc phát triển hệ sinh thái OER.

Có thể coi Tuyên bố Paris 2012 về OER đánh dấu bước ngoặt trong sự tiến hóa của HSTGDM. Đó là bước chuyển từ quá trình phát triển tự phát sang tự giác. Điều đó đem đến cho HSTGDM một môi trường bên ngoài quan trọng. Đó là môi trường chính sách.

## 2.2. Một số kinh nghiệm xây dựng chính sách cho các hệ sinh thái OER và MOOC

Nhìn từ góc độ của hệ sinh thái thì mục đích của các chính sách này một mặt tạo động lực và năng lực cho các quần thể trong hệ sinh thái, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của sinh cảnh.

UNESCO và COL là những tổ chức quốc tế có công lớn trong việc thúc đẩy các quốc gia xây dựng chính sách về OER. Trong UNESCO & COL [3], các khuyến nghị được đưa ra với các chính phủ là: 1/ Hỗ trợ việc sử dụng OER thông qua vai trò xây dựng chính sách của mình; 2/ Xem xét áp dụng các khuôn khổ cấp giấy phép mở; 3/ Xem xét áp dụng các chuẩn mở; 4/ Góp phần nâng cao nhận thức về các vấn đề OER chủ chốt; 5/ Thúc đẩy các chiến lược kết nối quốc gia về ICT; 6/ Hỗ trợ sự phát triển và chia sẻ bền vững các học liệu.

Tiếp đó, Fengchun Miao và cộng sự [4] công bố một công trình nghiên cứu coi như báo cáo đánh giá giữa kì về việc thực hiện Tuyên bố Paris 2012 về OER. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở điều tra hiện trạng OER và chính sách ở 15 nước thuộc 6 châu lục. Kết quả cho thấy, phong trào OER tiếp tục lớn mạnh, được áp dụng ở cả phổ thông và đại học, nhưng chỉ có một số ít nước xây dựng chính sách quốc gia về OER. Việc xây dựng chính sách có thể là một quá trình từ dưới lên, nhưng phổ biến hơn cả là một quá trình từ trên xuống. Bài học kinh nghiệm được rút ra là nên *phối hợp theo cả hai chiều dưới lên và trên xuống với sự tham gia của các bên có liên quan*.

Riêng đối với hệ sinh thái MOOC, việc xây dựng chính sách hướng tới một môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của hệ sinh thái này ngày càng được quan tâm do tầm quan trọng đặc biệt của MOOC (*Tầm quan trọng của MOOC đã được khẳng định tại nhiều tài liệu. Trong Tuyên bố “Giáo dục 2030: Khung hành động” được kí tại Incheon tháng 5 năm 2015 đã có khuyến nghị đối với các chính phủ như sau: Xây dựng chính sách và chương trình cung ứng GD đại học (GDĐH) từ xa có chất lượng thông qua nguồn tài chính thích hợp và sử dụng công nghệ, bao gồm internet, MOOC cùng các cách thức khác đáp ứng các chuẩn chất lượng hướng tới việc cải thiện tiếp cận GDĐH*).

Tháng 11 năm 2014, Hội nghị “Lập bản đồ khu vực MOOC Châu Âu” ra Tuyên bố Porto [5] kêu gọi “Ủy ban Châu Âu và các chính phủ thành viên đầu tư chiến lược vào hạ tầng số và nâng cao năng lực để khai thác tiềm năng MOOC vì xã hội Châu Âu nói chung”. Tiếp đó, tháng 6 năm 2016, tại Diễn đàn chính sách về MOOC Châu Âu, các nhà hoạch định chính sách, từ các chính phủ, các tổ chức liên chính phủ, các cơ sở GDĐH, các nền tảng, các nhà cung ứng đã trao đổi về chính sách MOOC từ bảy cấp độ, gồm: Người học, người dạy và các hiệp hội môn học, các khoa, các trường, các cơ quan nhà nước, các chính phủ, Ủy ban Châu Âu. Bài học là: “Để thực hiện sự thay đổi trong hệ thống GDĐH Châu Âu, cần các hành động nhất quán ở bảy cấp độ. Nếu nhìn theo cấu trúc tôn ti thì cấp cao phải dẫn đến các hành động tích cực ở cấp dưới, nghĩa là có sự đồng bộ giữa hành động ở cấp dưới với các đầu ra mong muốn ở cấp trên. Tuy nhiên, nhiều sáng kiến khởi nguồn từ dưới lên và chỉ có thể thành bền vững nếu được hỗ trợ bởi các chính sách ở cấp trên” [6]. Các khuyến nghị về chính sách MOOC đối với các nước đang phát triển là [7]:

- Nâng cao nhận thức về tiềm năng to lớn của MOOC trong việc nâng cao chất lượng GD và thực hiện học tập suốt đời (HTSD);

- Để phát huy tốt nhất tiềm năng của MOOC, cần một tiếp cận đa liên tác, bao gồm các cơ quan chính quyền, các cơ sở GD và khu vực tư nhân;

- Cần khai thác các cơ hội do MOOC đem lại, bao gồm việc cập nhật và nâng kĩ năng cho người lao động, cung cấp dịch vụ GD miễn phí hoặc chi phí thấp, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;

- Cần có chính sách điều chỉnh các MOOC cho phù hợp với bối cảnh cụ thể, chẳng hạn chính sách giấy phép mở, chính sách nâng cao năng lực QL MOOC, chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên;

- Phát triển khung đảm bảo chất lượng trong chiến lược MOOC quốc gia;

- Đầu tư vào hạ tầng MOOC, phát triển kĩ năng ICT cho cả người dạy và người học, dịch các học liệu để khắc phục rào cản ngôn ngữ, đổi mới cách đánh giá và công nhận chuẩn đầu ra đối với người theo học MOOC, tiến hành đánh giá thường xuyên về tác động và hiệu quả của MOOC;

- Tăng cường hợp tác giữa các đại học, các ngành, các nước; Xây dựng các trung tâm quốc gia hoặc khu vực để tạo động lực và nguồn lực cho MOOC.

## 2.3. Các mô hình chính sách và lĩnh vực chính sách cho hệ sinh thái giáo dục mở

Dĩ nhiên, khi xây dựng chính sách, câu hỏi đầu tiên phải trả lời là mục đích chính sách là gì? Câu trả lời chung nhất là nhằm tạo dựng môi trường chính sách thuận lợi cho sự phát triển của HSTGDM. Nhưng trong từng trường hợp cụ thể, đối với từng quốc gia, thậm chí đối với từng cơ sở GDĐH, cần làm rõ tính mở của hệ sinh thái này. *Nghĩa là mở đến đâu và mở cho ai*. Câu trả lời này sẽ khác nhau từ nước này sang nước khác, vì vậy các mô hình chính sách cho HSTGDM cũng khác biệt từ nước này sang nước khác.

Trung tâm nghiên cứu JRC [7] đã có công nghiên cứu các tiếp cận chính sách GD mở ở 28 nước thành viên Liên minh Châu Âu để cho thấy có 4 mô hình chính sách hiện nay trong khu vực Châu Âu như sau:

*Mô hình 1:* Các chính sách tập trung vào xây dựng đề án GD mở, với trọng tâm là các tài nguyên GD mở OER và các thực hành GD mở OEP. Đó là mô hình mang tính quốc gia, được triển khai ở Pháp trong khuôn khổ Chiến lược Số của Pháp. Bộ GD&ĐT và Nghiên cứu đề xuất kế hoạch xây dựng nền tảng MOOC gọi là FUN (France Université Numérique), giao cho một cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện với một khoản kinh phí chiếm 40% tổng chi, phần 60% còn lại do cơ quan đó tự bảo đảm từ các khoản thu gồm phí thành viên của các đại học, phí dịch vụ ...

*Mô hình 2:* Các chính sách tập trung vào ICT trong GD với một số thành phần về GD mở. Đây cũng là mô hình thuộc sáng kiến quốc gia ở Bồ Đào Nha mang tên Conta-nos uma história (nghĩa là Nhóm công nghệ và tài nguyên GD). Mục đích của sáng kiến này là thúc đẩy việc nâng cao năng lực số trong GD thông qua các cuộc thi viết truyện và đưa lên mạng như một tài nguyên GD mở. Tính mở của mô hình này hướng tới nhà giáo và học sinh, trong một sinh cảnh liên quan đến tiếp cận mở, nội dung mở, sự phạm mở, lãnh đạo mở và hợp tác mở.

*Mô hình 3:* Các chính sách thuộc chiến lược GD với một số thành phần GD mở. Chẳng hạn, đây là mô hình thuộc vùng Flanders ở Bỉ. Theo đó, chính sách GD mở là bộ phận của hệ thống chính sách, pháp luật GD&ĐT Bỉ. Trong hệ thống đó, chính sách GD mở có nhiệm vụ góp phần nâng cao tính cạnh tranh và linh hoạt của GD&ĐT, tạo cơ hội học tập cho người học lớn tuổi và người lao động vừa học vừa làm.

*Mô hình 4:* Các chính sách thuộc kế hoạch về chính phủ mở với một số thành phần về GD mở. Chẳng hạn, ở Hi Lạp, chính sách GD mở là thành phần của Kế hoạch hành động quốc gia lần thứ ba về chính phủ mở 2016-2018. Theo đó, các dự án được triển khai để tạo ra các bài giảng mở cho mọi người ở mọi trình độ. Tính mở của chính sách hướng đến mọi người dạy, người học trong phạm vi rộng, bao gồm dữ liệu mở, tài liệu mở, bài giảng mở, hợp tác mở, nghiên cứu mở, chứng chỉ mở và nguồn mở.

Các mô hình chính sách có khác biệt. Tuy vậy, để có hiệu quả, các mô hình này thường tập trung vào một số lĩnh vực chính sách sau đây để tạo môi trường thuận lợi cho HSTGDM: Nâng cao nhận thức; Thể chế và tài chính; Quan hệ đối tác; Sự phát triển nghề nghiệp của nhà giáo; Kiểm định và công nhận kết quả học tập; Tài nguyên GD mở; Hỗ trợ và hạ tầng; Nghiên cứu và đánh giá.

#### **2.4. Một số đề xuất cho việc xây dựng môi trường chính sách hệ sinh thái giáo dục mở Việt Nam**

Nếu có thể nói về một HSTGDM Việt Nam thì đó là một *hệ sinh thái còi cọc*. Đó là vì ý tưởng GD mở được đưa vào Việt Nam theo kiểu cấy ghép các sáng kiến mở nước ngoài (như sáng kiến đại học mở, sáng kiến OER) vào môi trường GD Việt Nam nhưng do thiếu chính sách phù hợp nên đến nay các đại học mở không thực sự là mở, còn các hoạt động

OER thì nhỏ lẻ, tập trung ở một số trường đại học và cá nhân yêu thích đưa ICT vào dạy và học.

Nghị quyết 29 về Đổi mới căn bản toàn diện GD Việt Nam tạo ra một cú hích khi yêu cầu hoàn thiện hệ thống GD quốc dân theo hướng mở, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiên, từ đó đến nay, 6 năm đã trôi qua, động thái đáng kể mới chỉ dừng ở việc đưa vào dự thảo Luật GD (sửa đổi) quy định: “Hệ thống GD quốc dân là hệ thống mở, liên thông, gồm GD chính quy và GD thường xuyên”. Rõ ràng, đây mới chỉ là quy định chung nhất. Để có môi trường chính sách tạo điều kiện cho HSTGDM thoát khỏi trạng thái còi cọc hiện nay, nhất thiết cần các văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện quy định trên.

Như vậy, mô hình chính sách HSTGDM Việt Nam sẽ được thực hiện theo mô hình 3 nói trên. Nghĩa là, đặt chính sách GD mở trong hệ thống chính sách, pháp luật GD Việt Nam. Các lĩnh vực chính sách cần quan tâm cũng chính là 8 lĩnh vực đã được trình bày ở trên. Nhìn từ góc độ đó, bài viết này đề xuất một số vấn đề cụ thể như sau thông qua tiếp cận hai chiều trên xuống và dưới lên.

##### **2.4.1. Về chính sách nâng cao nhận thức**

Cần có chính sách phối hợp đa liên tác để làm rõ và nâng cao nhận thức về GD mở qua những biện pháp sau đây: 1/ Thảo luận, tranh luận rộng rãi để đi tới cách hiểu thống nhất về GD mở và HSTGDM; 2/ Làm rõ vai trò, tác động, lợi ích, tầm quan trọng của GD mở cùng chính sách phát triển GD mở thông qua các tài liệu nghiên cứu trong nước và quốc tế; 3/ Thông qua các cơ quan truyền thông để nâng cao nhận thức về GD mở trong và ngoài ngành GD, giữa các nhà giáo, nhà khoa học, cán bộ QL GD, nhà hoạch định chính sách, tạo cơ sở đồng thuận cho việc đề xuất chính sách.

##### **2.4.2. Về thể chế và tài chính**

Cần cụ thể hóa quy định pháp luật về hệ thống GD mở trong các văn bản dưới luật, trước mắt tập trung vào một số vấn đề sau: 1/ Xây dựng chiến lược GD mở ở cấp hệ thống cũng như ở từng cơ sở GD&ĐT, coi đó là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển GD; Làm rõ nguồn lực tài chính cho việc thực hiện chiến lược GD mở; 2/ Hoàn thiện và tổ chức thực hiện Khung trình độ quốc gia (KTĐQG), coi đó là một công cụ thể chế quan trọng để tái cơ cấu hệ thống GD quốc dân theo định hướng hệ thống GD mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; 3/ Trên cơ sở KTĐQG, xây dựng cơ chế bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng, cơ chế đánh giá và công nhận đối với các chương trình và khóa học cung cấp theo GD mở; 4/ Kiện toàn Trường Đại học Mở Hà Nội và Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thành hai cơ sở GD&ĐT mở theo đúng nghĩa của nó, nghĩa là dỡ bỏ dần các rào cản cho người học trên con đường đến với GD&ĐT; Xây dựng và khai thác các tài nguyên GD mở OER, triển khai MOOC.

##### **2.4.3. Về xây dựng các quan hệ đối tác và hợp tác**

HSTGDM có liên quan đến toàn xã hội. Vì vậy, cần có

cơ chế, chính sách xây dựng các quan hệ đối tác và hợp tác để bảo đảm nguồn lực cần thiết cho hệ sinh thái này phát triển bền vững. Cụ thể, cần xem xét triển khai một số giải pháp sau: 1/ Phát triển quan hệ đối tác công - tư, huy động sự tham gia đóng góp bằng công sức, trí lực và tiền tài của các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm các cơ quan nhà nước, các cơ sở GD, các công ty công nghệ, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các nhà giáo, nhà khoa học, nhà phát triển phần mềm, nhà hảo tâm...; 2/ Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như COL để khai thác, thiết kế, cung ứng các MOOC một cách phù hợp và hiệu quả (COL - Commonwealth of Learning là một tổ chức liên chính phủ thuộc Khối Thịnh vượng chung, có mục đích khuyến khích sự chia sẻ tri thức, tài nguyên, công nghệ trong GD từ xa, GD mở).

#### 2.4.4. Về phát triển nghề nghiệp nhà giáo

Việc bồi dưỡng nhà giáo và hiệu trưởng về GD mở phải là thành phần của chương trình xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QL GD.

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ QL GD phải bảo đảm để nhà giáo và hiệu trưởng có kiến thức và kỹ năng cần thiết về OER và thực hành GD mở OEP;

- Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và hiệu trưởng phải có chuẩn liên quan đến năng lực khai thác, sử dụng OER và OEP.

#### 2.4.5. Về kiểm định và công nhận kết quả học tập theo giáo dục mở

- Xây dựng khung pháp lý để các cơ sở GD từng bước công nhận OEP (bao gồm sản xuất, tái sử dụng, chia sẻ, sử dụng, đánh giá) như minh chứng phát triển nghề nghiệp của nhà giáo;

- Xây dựng khung pháp lý để việc học theo GD mở được công nhận ở mọi cấp học và trình độ đào tạo của GD chính quy;

- Hoàn thiện hệ thống văn bằng chứng chỉ bằng cách công nhận các chứng chỉ số, văn bằng số.

#### 2.4.6. Về OER và MOOC

Cần có chính sách nhằm đẩy mạnh việc sản xuất và sử dụng các OER và MOOC theo hướng sau:

- Quy định các tài liệu GD và công trình nghiên cứu sử dụng vốn ngân sách phải được công bố như một OER bằng giấy phép mở;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo về việc sản xuất, sử dụng, tái sử dụng các OER cùng phương pháp sư phạm mở khi dùng OER trong giảng dạy;

- Xây dựng kho OER được thường xuyên cập nhật để những ai có nhu cầu đều có thể đăng kí và đăng nhập khai thác;

- Tạo năng lực và động lực cho các cơ sở GDĐH, trước hết là một số đại học hàng đầu của nước ta, khai thác và phát triển các MOOC;

- Xây dựng khung đảm bảo chất lượng và thực hiện kiểm

định chất lượng các MOOC để bảo đảm có sự công nhận văn bằng theo quy định của KTĐQG đối với những người theo học MOOC.

#### 2.4.7. Về hạ tầng và hỗ trợ

- Xây dựng hạ tầng công nghệ chung làm cơ sở cho việc triển khai mọi sáng kiến GD mở;

- Hỗ trợ, khuyến khích và cung cấp hạ tầng cho các cơ sở GD trong việc tổ chức triển khai đánh giá và công nhận kết quả học tập theo GD mở;

- Hỗ trợ, khuyến khích người học trong việc sử dụng công nghệ để cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng trong việc theo học GD mở.

#### 2.4.8. Về nghiên cứu và đánh giá

- Tiến hành các nghiên cứu, khảo sát, tạo cơ sở cho việc xây dựng chính sách phát triển GD mở, phổ biến kinh nghiệm và phát triển các thực hành GD mở OEP;

- Định kì đánh giá các tác động chính sách cùng hiện trạng GD mở để có hướng chính lí, bổ sung, hoàn thiện môi trường chính sách.

### 3. Kết luận

Trong bài viết này, hệ sinh thái được hiểu là hệ các quần thể sống trong một sinh cảnh, tương tác với nhau và với sinh cảnh để cùng phát triển. Khi đó, các quần thể trong HSTGDM gồm các cơ quan, nhà trường, tổ chức, cộng đồng và cá nhân (người dạy, người học, nhà QL, nhà nghiên cứu, nhà cung ứng). Còn sinh cảnh là không gian mạng, bao gồm các nền tảng, các OER, MOOC và các ứng dụng phần mềm để sản xuất, khai thác, sử dụng các tài nguyên số, khóa học số.

Với quan niệm như vậy, HSTGDM ở Việt Nam hiện nay là một hệ sinh thái còi cọc, “còm chính sách”. Đó là hệ sinh thái được hình thành từ việc cấy ghép một số sáng kiến GD mở của thế giới vào môi trường GD Việt Nam. Nhưng do không có sự chăm sóc về chính sách nên hệ sinh thái này hiện chỉ gồm một sinh cảnh kém phát triển với một số ít nhà trường, nhà giáo, người học đam mê ứng dụng tiến bộ ICT vào dạy và học.

Như thế, việc thực hiện chủ trương hoàn thiện hệ thống GD quốc dân theo hướng mở sẽ là một nhiệm vụ rất khó khăn, nặng nề và lâu dài. Nó đòi hỏi cả quyết tâm và nỗ lực từ hai phía trên xuống và dưới lên. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết là phải tạo được một môi trường chính sách phù hợp và thuận lợi để HSTGDM thực sự phát triển. Từ kinh nghiệm thế giới, bài viết này cho rằng, mô hình chính sách của Việt Nam phải là một mô hình pháp lí với những văn bản hướng dẫn nhằm cụ thể hóa quy định hiện có trong Dự thảo Luật GD sửa đổi: “Hệ thống GD quốc dân là hệ thống GD mở, liên thông, gồm GD chính quy và GD thường xuyên”. Mô hình chính sách đó cần tập trung vào tám lĩnh vực chính sách sau đây: Nâng cao nhận thức; Thể chế và tài chính; Xây dựng các quan hệ đối tác và hợp tác; Phát triển nghề nghiệp nhà giáo; Kiểm định và công nhận kết quả học tập theo GD mở; OER và MOOC; Hỗ trợ và hạ tầng; Nghiên cứu khoa học và đánh giá.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Inamorato dos Santos, A., Punie, Y., Castaño-Muñoz, J., (2016), *Opening up Education: A Support Framework for Higher Education Institutions*. JRC Science for Policy Report, EUR 27938 EN; doi:10.2791/293408.
- [2] UNESCO&COL., (2016), *Making sense of MOOCs. A guide for policy makers in developing countries*. <http://unesdoc.unesco.org/images/0024/002451/245122E.pdf>.
- [3] UNESCO&COL, (2015), *Guidelines for OER in higher education*. Paris: UNESCO.
- [4] Fengchun Miao và cộng sự, (2016), *OER: Policy, costs and transformation*. Paris: UNESCO và Burnaby: COL.
- [5] Porto Declaration on European MOOCs., (2014). [https://eadtu.eu/images/News/Porto\\_Declaration\\_on\\_European\\_MOOCs\\_Final.pdf](https://eadtu.eu/images/News/Porto_Declaration_on_European_MOOCs_Final.pdf)
- [6] Jansen, D. & Konings, L., (2016), *European policy response to MOOC opportunities*. Brussels: European Association of Distance Teaching Universities (EADTU).
- [7] Inamorato dos Santos, A., (2017), *Going Open – Policy Recommendations on Open Education in Europe (OpenEdu Policies)*. Ed: Punie, Y., Scheller, K.D.A., EUR 28777 EN, Publications Office of the European Union, Luxembourg, 2017, ISBN 978-92-79-73496-0, doi:10.2760/111707, JRC107708.

## BUILDING A POLICY ENVIRONMENT FOR OPEN EDUCATION ECOSYSTEM IN VIETNAM

**Pham Do Nhat Tien**

National Academy of Education Management  
31 Phan Dinh Giot, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam  
Email: phamdnhtien26@gmail.com

**ABSTRACT:** *The open education ecosystem includes educational institutions, education authorities, research institutes, communities and individuals (teachers, learners, managers, researchers, suppliers) living in a biome which is the cyberspace with platforms, open educational resources (OER), massive open online courses (MOOC) and software applications for publishing, using, exploiting those resources and those courses. The development of this ecosystem requires an appropriate and favorable policy environment. Based on a number of international experiences, this article proposed a policy model with policy fields that need to be focused on building and implementing so that the Vietnamese open education ecosystem can develop sustainably.*

**KEYWORDS:** Ecosystem; open education; open educational resources; massive open online courses.